

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 5 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Ông Lương Văn Tuấn

- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị Kim A, sinh năm 1998, nơi ĐHKHKT: thôn Th, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở hiện nay: Thôn M, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

Bị đơn: Anh Thân Văn H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Thành C, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2022, tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Thân Thị Kim A trình bày: Chị và anh H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu, có*

thời gian yêu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng ngày 11/9/2017. Kết hôn xong vợ chồng chị về sống chung cùng bố mẹ chồng ở tại thôn Th, xã T. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi kết hôn đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chịu làm ăn, không có công việc ổn định, thường xuyên chơi cờ bạc, sử dụng ma túy đá, có quan hệ bất chính với phụ nữ khác. Nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh H không nghe lời, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H chửi bới, xúc phạm chị. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Mthị trấn N, huyện Việt Yên sống từ tháng 8/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm gì đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Từ khi chị bỏ đi anh H không đón gọi chị về đoàn tụ. Đến ngày 25/3/2022, anh H có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị bắt giam, hiện nay anh H đang bị giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Khi vợ chồng chị mâu thuẫn bố mẹ hai bên có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Thân Ngọc H, sinh ngày 22/8/2018, hiện nay con đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi đang làm nghề tự do, mở quán cắt tóc gội đầu ở nhà, thu nhập trung bình 8.000.000đồng – 10.000.000đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung gì, thời gian sống chung cùng bố mẹ chồng, vợ chồng chị không đóng góp gì trong khối tài sản chung của gia đình, nay ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay gì, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Kim A trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H; về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng; về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Thân Văn H trình bày:** Anh và chị Kim A lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu, có thời gian yêu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng ngày 11/9/2017. Kết hôn xong vợ chồng anh về sống chung cùng bố mẹ anh ở thôn Th, xã T. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi kết hôn đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do từ sau anh đi chấp hành án về tội trộm cắp tài sản về địa phương thì anh đi làm công việc chở gái phục vụ cho các quán Karaoke, do tính chất công việc thường xuyên phải đi qua đêm, ít khi về nhà, chị Kim A có những lời lẽ xúc phạm anh, anh có tát vợ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị Kim A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, thị trấn N, huyện Việt Yên sống từ tháng 12/2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm gì đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Khi về chồng mâu thuẫn bố mẹ hai bên có dàn xếp nhưng chị Kim A không nghe. Đến ngày 25/3/2022 nay anh có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị bắt giam, hiện nay anh đang bị giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Kim A xin ly hôn anh không đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Thân Ngọc H, sinh ngày 22/8/2018, hiện nay con đang sống cùng chị Kim A. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và giao con cho bố mẹ anh nuôi dưỡng vì anh đang bị giam không có nhà. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, thời gian sống chung cùng bố mẹ anh, vợ chồng tôi không đóng góp gì trong khối tài sản chung của gia đình, nay ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại bản xác minh với ông Thân Văn Sáu là bố đẻ anh H cung cấp như sau: Năm 2017 gia đình bà tổ chức lễ cưới cho anh H và chị Kim A, anh H và chị Kim A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng hai con sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính chất công việc của anh H thường xuyên phải đi làm qua đêm nên chị Kim A nghi

ngờ, ghen tuông, từ đó vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị Kim A làm đơn xin ly hôn ông đề nghị Tòa án động viên chị A rút đơn để vợ chồng đoàn tụ.

+ Tại biên bản xác minh với ông Thân Văn Ph trưởng thôn Thưng cấp: Anh H và chị Kim A có hộ khẩu tại địa phương ông quản lý. Anh H và chị Kim A lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống giữa anh H và chị Kim A phát sinh mâu thuẫn gì, nguyên nhân do đâu thì ông không nắm được. Từ năm 2020 đến nay ông không thấy chị Kim A sống ở địa phương nữa. Nay chị Kim A xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị Kim A và xử cho chị Thân Thị Kim A được ly hôn anh Thân Văn H; về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Thân Ngọc H, sinh ngày 22/8/2018 cho chị Kim A nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Chị Thân Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa vi phạm: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thân Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Kim A và anh Thân Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2017 tại UBND xã T, huyện Yên Dũng và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị Kim A và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị Kim A và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Kim A khai là do anh H không chịu làm ăn, không có công việc ổn định, thường xuyên chơi cờ bạc, sử dụng ma túy đá, có quan hệ bất chính với phụ nữ khác. Còn theo anh H khai nguyên nhân do tính chất công việc của anh là thường phải đi làm qua đêm nên chị Kim A có những lời lẽ xúc phạm anh, từ đó vợ chồng thường cãi nhau. Mặc dù vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ, nay chị Kim A xin ly hôn anh H không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Kim A và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương nhau, việc anh H không đồng ý ly hôn chỉ là cố tình kéo dài thời gian nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Kim A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Thân Ngọc H, sinh ngày 22/8/2018, hiện nay đang ở cùng chị Kim A, cháu H phát triển bình thường, chị A có công việc ổn định và có thu nhập. Anh H đề nghị được nuôi dưỡng con, xét điều kiện hiện nay anh H đang bị tạm giam về hành vi vi phạm pháp luật, không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, nguyện vọng của anh là giao con cho bố mẹ anh nuôi dưỡng là không phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị Kim A là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

[4] Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp

nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Kim A và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Thân Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Kim A được ly hôn anh Thân Văn H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Thân Ngọc H, sinh ngày 22/8/2018 cho chị Thân Thị Kim A nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về án phí: Chị Thân Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009444 ngày 23 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã T;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo